

CÔNG TY CỔ PHẦN VẢI SỢI MAY MẶC MIỀN BẮC

Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày
31/12/2012

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 – 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	6 – 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	11 – 27

CÔNG TY CỔ PHẦN VẢI SỢI MAY MẶC MIỀN BẮC

Địa chỉ: 37 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty cổ phần vải sợi may mặc Miền Bắc (dưới đây được gọi là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012 của Công ty đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

THÔNG TIN CHUNG

Công ty cổ phần Vải sợi may mặc miền Bắc là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103008442 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 05/07/2005. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về vốn kinh doanh, thành lập chi nhánh và thay đổi về địa chỉ của Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội chuẩn y tại các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi từ lần 1 đến lần 6 ngày 06/06/2012; theo đó số giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh được thay đổi bằng mã số doanh nghiệp số 0100108127 tại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 7 ngày 12/09/2012.

Công ty có các đơn vị phụ thuộc như sau:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
- Chi nhánh Công ty cổ phần vải sợi may mặc Miền Bắc - Xí nghiệp xây dựng	Số 79 Lạc Trung, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.
- Chi nhánh Công ty CP Vải sợi may mặc miền Bắc - Trung tâm thời trang TEXTACO	Số 37 Lý Thường Kiệt, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.
- Công ty TNHH một thành viên Vải sợi may mặc miền Bắc II (Công ty con)	Số 51 Trương Quốc Dung, phường 10, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh.

Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012, các hoạt động chính của Công ty bao gồm:

- *Buôn bán hàng tiêu dùng;*
- *Xây dựng, kinh doanh dịch vụ kho, nhà xưởng, văn phòng làm việc;*
- *Sản xuất, kinh doanh xuất nhập khẩu hàng dệt, may, bông, vải, sợi, thuốc nhuộm, hoá chất (trừ hoá chất Nhà nước cấm), hàng đồ da và giả da, hàng điện máy, nguyên liệu, phụ liệu, máy móc thiết bị, nông lâm sản, thực phẩm, thủy sản, vật liệu xây dựng, giấy và văn phòng phẩm.*

Công ty có trụ sở chính tại số 37 Lý Thường Kiệt, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

- Ông Nguyễn Như Lâm	Chủ tịch Hội đồng quản trị	<i>Từ ngày 01/01/2012 đến 26/7/2012</i>
- Ông Nguyễn Như Lâm	Ủy viên Hội đồng quản trị	<i>Từ ngày 27/07/2012</i>
- Ông Đinh Văn Tòng	Chủ tịch Hội đồng quản trị	<i>Từ ngày 27/7/2012</i>
- Ông Đinh Văn Tòng	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị	<i>Từ ngày 01/01/2012 đến 26/7/2012</i>
- Ông Phạm Ngọc Phán	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị	<i>Từ ngày 27/7/2012</i>
- Ông Phạm Ngọc Phán	Ủy viên Hội đồng quản trị	<i>Từ ngày 01/01/2012 đến 26/7/2012</i>
- Ông Vũ Văn Thiều	Ủy viên Hội đồng quản trị	
- Bà Nguyễn Thị Bích Mùi	Ủy viên Hội đồng quản trị	

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

- Ông Nguyễn Như Lâm	Tổng Giám đốc	<i>Từ 01/01/2012 đến ngày 28/03/2012</i>
- Ông Vũ Văn Thiều	Tổng Giám đốc	<i>Bổ nhiệm từ ngày 29/03/2012</i>
- Ông Vũ Văn Thiều	Phó Tổng Giám đốc	<i>Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 29/03/2012</i>
- Bà Nguyễn Thị Bích Mùi	Phó Tổng Giám đốc	
- Bà Lê Kim Hoa	Phó Tổng Giám đốc	<i>Bổ nhiệm từ ngày 29/03/2012</i>

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NIÊN ĐỘ

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán BDO đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012 của Công ty cổ phần Vải sợi may mặc Miền Bắc.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất và đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại ngày 31/12/2012 cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Trong việc báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp đã được tuân thủ, những sai lệch trọng yếu (nếu có) đã được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty, báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31/12/2012, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2013

Đại diện cho HĐQT và Ban Giám đốc



VŨ VĂN THIỀU

Tổng Giám đốc

Số: 42 /2013/BCKT - BDO

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2013

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

*Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cổ phần Vải sợi may mặc Miền Bắc
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012.*

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN VẢI SỢI MAY MẶC MIỀN BẮC**

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán BDO đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012 của Công ty cổ phần Vải sợi may mặc Miền Bắc bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được lập ngày 27/03/2013 từ trang 06 đến trang 27 đính kèm.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc về trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty cổ phần Vải sợi may mặc Miền Bắc. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất này căn cứ trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở để đưa ra ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và các chuẩn mực kiểm toán quốc tế được thừa nhận tại Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện kiểm toán để có được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Để đánh giá rủi ro, chúng tôi thực hiện xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất nhằm thiết lập các thủ tục kiểm toán thích hợp. Việc xem xét này không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về sự hiện hữu của hệ thống kiểm soát nội bộ trong đơn vị. Công việc kiểm toán của chúng tôi cũng bao gồm việc đánh giá sự tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty cổ phần Vải sợi may mặc Miền Bắc tại ngày 31/12/2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.



Không nhằm mục đích phủ định ý kiến kiểm toán nêu trên, chúng tôi chỉ xin lưu ý người đọc báo cáo kiểm toán rằng trong năm tài chính 2012, Công ty đã ghi nhận bổ sung giá trị lợi thế thương mại khu đất nhà 4 đã chuyển nhượng cho ông Mai Đức Lâm từ năm 2011 (theo biên bản thỏa thuận số 167/BB-VSMMMB ngày 13/12/2012 và Nghị quyết số 01/QĐ-HĐQT ngày 09/01/2013 của Hội đồng quản trị) với giá trị 500.000.000 đồng. Ông Mai Đức Lâm đã chuyển tiền đầy đủ và Công ty cũng đã ghi nhận khoản tiền trên vào chỉ tiêu Thu nhập khác trên báo cáo kết quả kinh doanh. Tuy nhiên, trên hồ sơ giấy tờ có liên quan (hợp đồng thuê đất số 155-08/HDTN ngày 01/12/2008 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CQ – 1198 cấp theo Quyết định số 2869/QĐ-UBND ngày 17/7/2008 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội và các hồ sơ pháp lý khác) không thể hiện quyền được thuê đất của Công ty cổ phần Vải sợi may mặc miền Bắc đối với khu đất nhà số 4 này. Do đó, việc thỏa thuận thu thêm tiền lợi thế thương mại khu đất nhà số 4 nêu trên là chưa có đủ cơ sở pháp lý.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN BDO



NGUYỄN THỊ HỒNG LIÊN
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ KTV số: 0445/KTV

Trang

NGUYỄN QUỲNH TRANG
Kiểm toán viên
Chứng chỉ KTV số: 1469/KTV



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2012	31/12/2011
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		22.393.151.698	41.150.061.805
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	18.005.490.451	11.908.879.632
1. Tiền	111		1.345.490.451	2.008.879.632
2. Các khoản tương đương tiền	112		16.660.000.000	9.900.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.845.061.133	26.858.972.517
1. Phải thu khách hàng	131		1.542.858.822	3.016.735.752
2. Trả trước cho người bán	132		205.962.171	754.532.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.2	96.240.140	23.087.704.765
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.3	2.322.742.580	2.228.228.295
1. Hàng tồn kho	141		2.322.742.580	2.228.228.295
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		219.857.534	153.981.361
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		110.339.103	34.360.716
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	6.102.214
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.4	10.518.431	10.518.431
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		99.000.000	103.000.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		59.987.661.143	62.206.914.699
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		59.436.504.018	62.159.874.100
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.5	59.436.504.018	61.981.891.342
- Nguyên giá	222		91.650.708.726	90.850.557.147
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(32.214.204.708)	(28.868.665.805)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.6	-	177.982.758
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		551.157.125	47.040.599
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7	551.157.125	47.040.599
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
VI. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		82.380.812.841	103.356.976.504

CÔNG TY CỔ PHẦN VẢI SỢI MAY MẶC MIỀN BẮC

Địa chỉ: 37 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính

kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2012	31/12/2011
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		11.513.839.613	15.753.085.903
I. Nợ ngắn hạn	310		11.491.421.431	15.554.880.200
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
2. Phải trả người bán	312		1.467.243.509	2.370.841.391
3. Người mua trả tiền trước	313		52.734.118	698.572.556
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.8	5.741.337.280	7.345.386.175
5. Phải trả người lao động	315		949.243.636	2.721.033.922
6. Chi phí phải trả	316	V.9	196.126.005	286.332.749
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.10	2.410.479.508	2.132.713.407
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		674.257.375	-
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		22.418.182	198.205.703
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	198.205.703
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		22.418.182	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		70.866.973.228	87.603.890.601
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.11	70.866.973.228	87.603.890.601
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		57.029.400.000	57.029.400.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	2.762.901
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		3.472.018.600	2.124.196.508
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.642.580.909	1.483.661.313
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		7.722.973.719	26.963.869.879
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		82.380.812.841	103.356.976.504

CÔNG TY CỔ PHẦN VẢI SỢI MAY MẶC MIỀN BẮC

Địa chỉ: 37 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính

kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

(Tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	THUYẾT MINH	31/12/2012	31/12/2011
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại (USD)	V.1	2.564,63	28.504,89
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-



NGUYỄN THỊ BÍCH MÙI

Kế toán trưởng



Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2013

VŨ VĂN THIỀU

Giám đốc

013
CÔ
H NH
ỀM
31
ĐA

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM 2012	NĂM 2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.12	47.892.694.992	50.800.392.142
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.12	47.892.694.992	50.800.392.142
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.13	28.114.020.033	26.762.621.023
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		19.778.674.959	24.037.771.119
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.14	3.417.164.397	19.699.145.498
7. Chi phí tài chính	22	VI.15	312.708	64.365.158
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24		2.087.270.903	2.718.848.296
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		9.674.389.968	9.187.795.407
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		11.433.865.777	31.765.907.756
11. Thu nhập khác	31	VI.16	4.903.521.518	4.861.317.565
12. Chi phí khác	32		4.129.337.136	2.499.798.222
13. Lợi nhuận khác	40		774.184.382	2.361.519.343
14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		12.208.050.159	34.127.427.099
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.17	2.976.333.533	7.170.985.256
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		9.231.716.626	26.956.441.843
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		-	-
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		9.231.716.626	26.956.441.843
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.19	1.619	4.727



NGUYỄN THỊ BÍCH MÙI
Kế toán trưởng



VŨ VĂN THIỂU
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN VẢI SỢI MAY MẶC MIỀN BẮC

Địa chỉ: 37 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội

áo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính

kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Theo phương pháp trực tiếp

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	NĂM 2012	NĂM 2011
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	62.403.500.751	56.763.507.494
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02	(15.188.135.461)	(19.695.881.195)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(17.933.721.171)	(12.146.941.040)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	-	-
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(4.711.280.277)	(474.595.784)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	77.062.956	14.585.352.087
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(2.669.620.326)	(13.809.589.554)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	21.977.806.472	25.221.852.008
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(863.891.718)	(4.265.080.750)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	161.444.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(246.280.239)	(4.200.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	4.600.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.308.142.225	1.621.699.539
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	2.359.414.268	(2.243.381.211)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	267.800.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	(1.662.401.000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(18.244.374.800)	(12.489.122.110)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(18.244.374.800)	(13.883.723.110)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50	6.092.845.940	9.094.747.687
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	11.908.879.632	2.768.451.914
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	3.764.879	45.680.031
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	18.005.490.451	11.908.879.632



• NGUYỄN THỊ BÍCH MÙI
Kế toán trưởng



VŨ VĂN THIỀU
Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**I. THÔNG TIN CHUNG**

Công ty cổ phần vải sợi may mặc miền Bắc là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103008442 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 05/07/2005. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về vốn kinh doanh, thành lập chi nhánh và thay đổi về địa chỉ của Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội chuẩn y tại các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi từ lần 1 đến lần 6 ngày 06/06/2012; theo đó số giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh được thay đổi bằng mã số doanh nghiệp số 0100108127 tại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 7 ngày 12/09/2012.

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty bao gồm:

- *Buôn bán hàng tiêu dùng;*
- *Xây dựng, kinh doanh dịch vụ kho, nhà xưởng, văn phòng làm việc;*
- *Sản xuất, kinh doanh xuất nhập khẩu hàng dệt, may, bông, vải, sợi, thuốc nhuộm, hoá chất (trừ hoá chất Nhà nước cấm), hàng đồ da và giả da, hàng điện máy, nguyên liệu, phụ liệu, máy móc thiết bị, nông lâm sản, thực phẩm, thủy sản, vật liệu xây dựng, giấy và văn phòng phẩm.*

Cơ cấu tổ chức

Công ty có các đơn vị phụ thuộc như sau:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
<i>Chi nhánh Công ty Cổ phần vải sợi may mặc Miền Bắc - Xí nghiệp xây dựng</i>	<i>Số 79 Lạc Trung, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.</i>
<i>Chi nhánh Công ty CP Vải sợi may mặc miền Bắc - Trung tâm thời trang TEXTACO</i>	<i>Số 37 Lý Thường Kiệt, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.</i>
<i>Công ty TNHH một thành viên Vải sợi may mặc miền Bắc II (Công ty con)</i>	<i>Số 51 Trương Quốc Dung, phường 10, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh.</i>

Công ty có trụ sở tại 37 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Đến ngày 31/12/2012, tổng số cán bộ nhân viên hiện đang làm việc tại Công ty là 332 người, trong đó cán bộ quản lý là 28 người.

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Chế độ kế toán áp dụng: Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, Thông tư số 206/2009/TT – BTC ngày 27/10/2009 hướng dẫn kế toán giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ và Thông tư số 244/2009/TT – BTC hướng dẫn sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con do công ty mẹ nắm quyền kiểm soát tại ngày 31/12/2012, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN (Tiếp theo)****Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính (Tiếp theo)**

Các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất. Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của công ty con được điều chỉnh để đảm bảo sự nhất quán về các chính sách kế toán đang áp dụng tại Công ty. Các giao dịch nội bộ, công nợ và các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ bị loại trừ hoàn toàn khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Hình thức sổ kế toán áp dụng: Nhật ký chung.

Niên độ kế toán của Công ty: Năm tài chính của Công ty được bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Đồng tiền hạch toán: Công ty sử dụng để ghi sổ kế toán và lập Báo cáo tài chính bằng đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty đã được biết về hai mươi sáu (26) Chuẩn mực kế toán Việt Nam đã được Bộ Tài chính ban hành như sau:

- Quyết định 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001 ban hành và công bố bốn (4) Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 1). Hướng dẫn thực hiện các chuẩn mực này đã được Bộ Tài chính ban hành qua Thông tư 161/2007/TT-BTC ngày 31/12/2007.
- Quyết định 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 ban hành và công bố sáu (6) Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 2). Hướng dẫn thực hiện các chuẩn mực này đã được Bộ Tài chính ban hành qua Thông tư 161/2007/TT-BTC ngày 31/12/2007.
- Quyết định 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 ban hành và công bố sáu (6) Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 3). Hướng dẫn thực hiện các chuẩn mực này đã được Bộ Tài chính ban hành qua Thông tư 161/2007/TT-BTC ngày 31/12/2007.
- Quyết định 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 ban hành và công bố sáu (6) Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 4). Hướng dẫn chi tiết thi hành quyết định này cũng đã được Bộ Tài chính ban hành qua Thông tư 20/2006/TT-BTC ngày 20/03/2006.
- Quyết định 100/2005/QĐ-BTC ngày 28/12/2005 ban hành và công bố bốn (4) Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 5). Hướng dẫn chi tiết thi hành quyết định này cũng đã được Bộ Tài chính ban hành qua Thông tư 21/2006/TT-BTC ngày 20/03/2006.

Tuân thủ các quyết định và thông tư hướng dẫn các Chuẩn mực kế toán Việt Nam nói trên, Ban Giám đốc Công ty đã lựa chọn các Chuẩn mực kế toán Việt Nam có thể áp dụng được đối với hoạt động kinh doanh của Công ty để lập Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**Các thay đổi trong chính sách kế toán và thuyết minh**

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính 2012 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2011, ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán hàng tồn kho trong việc xác định giá trị hàng xuất kho (*từ phương pháp nhập trước, xuất trước sang phương pháp bình quân gia quyền*). Công ty chưa thực hiện áp dụng hồi tố đối với thay đổi chính sách kế toán nêu trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: tiền mặt, tiền gửi không kỳ hạn, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi (-) các khoản dự phòng được ước tính cho các khoản phải thu khó đòi dựa trên cơ sở xem xét của Ban Giám đốc đối với các khoản còn chưa thu tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho tại địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được, được xác định bằng giá bán ước tính trừ (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:

Kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá gốc của hàng tồn kho:

Bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời...) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định (TSCĐ) hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa TSCĐ vào trạng thái sẵn sàng hoạt động. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Các chi phí phát sinh sau khi TSCĐ đã đưa vào hoạt động như chi phí bảo trì, sửa chữa và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ tại thời điểm phát sinh. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng TSCĐ vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu thì chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của TSCĐ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Tài sản cố định hữu hình và khấu hao tài sản cố định (tiếp theo)**

Khi TSCĐ hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý TSCĐ đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản dựa trên thời gian sử dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể của từng nhóm tài sản cố định như sau:

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao tài sản cố định (Tiếp theo)

<i>Tài sản</i>	<i>Khung khấu hao</i>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50 năm
Máy móc thiết bị	07 năm
Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
Thiết bị quản lý	05 năm
Tài sản cố định khác	04 - 10 năm

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm chi phí bảo hiểm cháy nổ và giá trị công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ vào kết quả kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 12 tháng. Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí sửa chữa và giá trị công cụ dụng cụ xuất dùng với giá trị lớn được phân bổ dần vào kết quả kinh doanh trong thời gian 24 tháng.

Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ, nhưng chưa được thực chi tại ngày kết thúc năm tài chính trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Đến thời điểm thực chi, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí phản chênh lệch với số đã trích (nếu có). Các khoản chi phí phải trả tại ngày kết thúc niên độ bao gồm gồm chi phí tiền điện, điện thoại phải trả, phí hoa hồng môi giới hoạt động gia công và chi phí tổ chức bán đấu giá Công ty TNHH MTV Vải sợi may mặc miền Bắc II.

Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh không phải bằng đồng Việt Nam được quy đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng thương mại vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư cuối kỳ của các khoản mục có gốc ngoại tệ được quy đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại công bố tại ngày kết thúc năm tài chính. Các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính trong năm tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Lợi nhuận chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2012 là lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp sau khi trừ đi (-) thuế thu nhập doanh nghiệp và tạm chia cổ tức cho các cổ đông với tỷ lệ 20% trên vốn điều lệ.

Việc phân chia lợi nhuận và trích lập các quỹ được thực hiện theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán các sản phẩm may mặc và các sản phẩm vải được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn những rủi ro và lợi ích về quyền sở hữu hàng hoá đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận khi có các yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu hồi các khoản tiền bán hàng hoặc có khả năng bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ là các khoản doanh thu từ hoạt động cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng phù hợp với thời gian cho thuê.

Doanh thu khác

Doanh thu khác bao gồm lãi tiền gửi, lợi nhuận được chia từ các hợp đồng góp vốn liên danh liên kết Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn. Lợi nhuận được chia được ghi nhận khi các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Các khoản thu nhập khác:

Thu nhập từ việc thu thêm giá trị lợi thế thương mại khu đất nhà số 4 của ông Mai Đức Lâm (theo biên bản thỏa thuận số 167/BB-VSMMM ngày 13/12/2012 và Nghị quyết số 01/QĐ-HĐQT ngày 09/01/2013 của Hội đồng quản trị) với giá trị là 500.000.000 đồng (đã được thanh toán đầy đủ) nhưng trên hồ sơ giấy tờ có liên quan (hợp đồng thuê đất số 155-08/HDTN ngày 01/12/2008 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CQ – 1198 cấp theo Quyết định số 2869/QĐ-UBND ngày 17/7/2008 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội) không thể hiện quyền được thuê đất của Công ty đối với khu đất số 4 này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập hiện hành của doanh nghiệp được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành (25%).

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Các chỉ tiêu được trình bày theo đơn vị tính là đồng Việt Nam (VND)

I. Tiền và các khoản tương đương tiền

		31/12/2012	31/12/2011
Tiền mặt tại quỹ	(i)	228.759.981	250.693.284
Tiền gửi ngân hàng	(ii)	1.116.730.470	1.758.186.348
Các khoản tương đương tiền	(iii)	16.660.000.000	9.900.000.000
Cộng		18.005.490.451	11.908.879.632

(i) Số dư tiền mặt tại quỹ vào ngày 31/12/2012 bao gồm:

	VND
Đồng Việt Nam (VND)	228.759.981
+ Văn phòng Công ty	74.271.002
+ Công ty TNHH MTV Vải sợi miền Bắc II	154.488.979
Cộng	228.759.981

(ii) Số dư tiền gửi ngân hàng tại ngày 31/12/2012 bao gồm:

	USD	VND
Tiền gửi VND	-	1.063.536.025
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN - Sở giao dịch	-	555.329.197
+ Ngân hàng TMCP Công thương VN - CN Chương Dương	-	305.115.480
+ Ngân hàng TMCP XNK - CN Hai Bà Trưng	-	6.651.787
+ Ngân hàng NN & PTNT - CN Hà Nội	-	56.656.979
+ Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Hoàn Kiếm	-	40.948.813
+ Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Hồ Chí Minh	-	96.448.939
+ Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT - CN Phú Nhuận	-	2.384.830
Tiền gửi USD	2.564,63	53.194.445
+ Ngân hàng TMCP XNK - CN Hai Bà Trưng	839,67	17.477.731
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN - Sở giao dịch	542,82	11.298.797
+ Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Hoàn Kiếm	557,88	11.612.272
+ Ngân hàng NN & PTNT - CN Hà Nội	554,50	11.541.918
+ Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Hồ Chí Minh	69,76	1.263.727
Cộng	2.564,63	1.116.730.470

(iii) Các khoản tương đương tiền tại ngày 31/12/2012 bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng:

	Lãi suất	VND
+ NH TMCP Công thương Việt Nam - CN Chương Dương	8% - 9%/năm	12.990.000.000
+ Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Hoàn Kiếm	9%/năm	1.870.000.000
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN - Sở giao dịch	9%/năm	1.000.000.000
+ Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Hồ Chí Minh	8%/năm	800.000.000
Cộng		16.660.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

2. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	31/12/2012	31/12/2011
Phải thu khác	96.240.140	23.087.704.765
+ Phải thu ông Mai Đức Lâm	-	18.193.044.444
+ Tạm ứng cổ tức cho cổ đông	-	4.507.869.600
+ Tạm chi quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	311.295.227
+ Lãi tiền gửi tiết kiệm phải thu	76.396.944	-
+ Tiền điện tháng 12 phải thu các đơn vị thuê kho	19.843.196	-
+ Các khoản thu khác	-	75.495.494
Cộng	96.240.140	23.087.704.765
3. Hàng tồn kho	31/12/2012	31/12/2011
Hàng mua đang đi trên đường	-	-
Nguyên vật liệu tồn kho	35.408.581	49.722.307
Công cụ dụng cụ trong kho	13.220.801	6.241.580
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-
Thành phẩm tồn kho	897.311.297	479.216.128
Hàng hoá tồn kho	1.376.801.901	1.693.048.280
Hàng gửi đi bán	-	-
Hàng hoá kho bảo thuế	-	-
Tổng giá trị của hàng tồn kho	2.322.742.580	2.228.228.295
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của HTK	2.322.742.580	2.228.228.295
4. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	31/12/2012	31/12/2011
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	10.518.431	10.518.431
+ Công ty TNHH MTV Vải sợi may mặc miền Bắc II	10.518.431	10.518.431
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	-	-
Cộng	10.518.431	10.518.431

CÔNG TY CỔ PHẦN VẢI SỢI MAY MẶC MIỀN BẮC

Địa chỉ: 37 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính
kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

5. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, trang thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 31/12/2011	78.734.753.635	6.970.555.808	2.835.215.705	731.395.207	1.578.636.792	90.850.557.147
Mua trong năm	-	-	-	12.561.818	30.000.000	42.561.818
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	1.003.870.000	1.003.870.000
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
Thanh lý nhượng bán	-	(110.816.483)	-	(135.463.756)	-	(246.280.239)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2012	78.734.753.635	6.859.739.325	2.835.215.705	608.493.269	2.612.506.792	91.650.708.726
GIÁ TRỊ HAO MÒN LÚY KẾ						
Tại ngày 31/12/2011	18.225.653.252	6.898.874.179	1.783.627.597	658.616.482	1.301.894.295	28.868.665.805
Khấu hao trong năm	2.798.551.570	62.788.206	222.246.780	93.216.126	415.016.460	3.591.819.142
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	(110.816.483)	-	(135.463.756)	-	(246.280.239)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2012	21.024.204.822	6.850.845.902	2.005.874.377	616.368.852	1.716.910.755	32.214.204.708
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 31/12/2011	60.509.100.383	71.681.629	1.051.588.108	72.778.725	276.742.497	61.981.891.342
Tại ngày 31/12/2012	57.710.548.813	8.893.423	829.341.328	(7.875.583)	895.596.037	59.436.504.018

Trong đó: Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng

đồng

Nguyên giá TSCĐ tạm thời không sử dụng:

-

đồng

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ đã dùng thế chấp, cầm cố cho vay:

-

đồng

Thuyết minh báo cáo tài chính là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)****6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	31/12/2012	31/12/2011
Tổng số chi phí XDCCB dở dang:	-	177.982.758
Trong đó các công trình lớn:		
+ Chi phí chỉ giới lập bản đồ khu vực Lạc Trung	-	43.354.181
+ Chi phí chỉ giới lập bản đồ khu vực Giáp Bát	-	27.203.091
+ Chi phí làm mái hiên để xe khu vực Lạc Trung	-	28.448.003
+ Chi phí làm kho tạm chứa đồ phế liệu	-	78.977.483

7. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2012	31/12/2011
Chi phí trả trước về thuê hoạt động TSCĐ	-	-
Chi phí nghiên cứu có giá trị lớn	-	-
Chi phí cho giai đoạn triển khai, không đủ tiêu chuẩn TSCĐ vô hình	-	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	551.157.125	47.040.599
+ Chi phí sửa chữa văn phòng	304.201.792	9.540.599
+ Giá trị công cụ dụng cụ phân bổ	246.955.333	37.500.000
Cộng	551.157.125	47.040.599

8. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2012	31/12/2011
Thuế giá trị gia tăng	133.249.776	23.126.041
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.583.302.328	7.318.249.072
Thuế thu nhập cá nhân	24.785.176	4.011.062
Các loại thuế khác	-	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-
Cộng	5.741.337.280	7.345.386.175

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)****9. Chi phí phải trả**

	31/12/2012	31/12/2011
Chi phí phải trả khác	196.126.005	286.332.749
+ Chi phí tiền điện tháng 12 phải trả	149.329.224	137.209.431
+ Chi phí thiết kế quy hoạch 352 Giải Phóng	-	140.483.636
+ Chi phí hoa hồng môi giới hoạt động gia công	20.792.459	-
+ Chi phí quảng cáo bán đấu giá công ty con	9.800.000	-
+ Chi phí phải trả khác	16.204.322	8.639.682
Cộng	196.126.005	286.332.749

10. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2012	31/12/2011
Tài sản thừa chờ giải quyết (i)	12.363.061	-
Kinh phí công đoàn	63.821.849	45.400.992
Bảo hiểm xã hội	3.552.990	-
Các khoản phải trả phải nộp khác	2.330.741.608	2.081.062.765
+ Tiền đặt cọc dịch vụ cho thuê kho, xưởng	1.958.628.000	2.046.851.500
+ Cổ tức năm 2011 phải trả	2.358.400	-
+ Cổ tức năm 2012 phải trả	57.157.200	-
+ Phải trả tiền đặt cọc theo hợp đồng liên kết kinh doanh	137.563.000	-
+ Kinh phí đề án môi trường KV Lạc Trung - Hai Bà Trưng (ii)	39.238.096	-
+ Kinh phí đề án môi trường KV Đức Giang - Long Biên (ii)	132.761.912	-
+ Các khoản phải trả khác	3.035.000	34.211.265
Cộng	2.410.479.508	2.126.463.757

(i): Cổ tức phải trả năm 2008, 2009 và 2010 cho các cổ đông chưa tới nhận.

(ii): Trong năm, Công ty ký hợp đồng với Công ty TNHH Quan trắc và công nghệ Toàn Nguyên về việc đánh giá tác động môi trường khu vực Lạc Trung, Đức Giang. Theo thỏa thuận khoản chi phí này sẽ được phân chia cho Công ty và các đơn vị thuê kho của Công ty. Đây là khoản phí đã thu của các bên thuê kho sau khi trừ đi phần thuế GTGT Công ty đã xuất hóa đơn. Khi tất toán hợp đồng với Công ty TNHH Quan trắc và công nghệ Toàn Nguyên, khoản chi phí này sẽ được quyết toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

11. *Vốn chủ sở hữu*

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	<i>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</i>	<i>Thặng dư vốn cổ phần</i>	<i>Cổ phiếu quỹ</i>	<i>Chênh lệch tỷ giá hối đoái</i>	<i>Quỹ đầu tư phát triển</i>	<i>Quỹ dự phòng tài chính</i>	<i>Lợi nhuận chưa phân phối</i>	<i>Tổng cộng</i>
Số dư đầu năm trước	57.029.400.000	-	-	(32.758.206)	1.140.943.547	1.083.613.486	9.484.844.824	68.706.043.651
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	26.956.441.843	26.956.441.843
Tăng khác	-	-	-	55.455.079	983.252.961	400.047.827	135.274.714	1.574.030.581
Chi trả cổ tức cho các cổ đông	-	-	-	-	-	-	(7.984.116.000)	(7.984.116.000)
Phân phối các quỹ	-	-	-	-	-	-	(1.493.300.788)	(1.493.300.788)
Giảm khác	-	-	-	(19.933.972)	-	-	(135.274.714)	(155.208.686)
Số dư cuối năm trước/đầu năm nay	57.029.400.000	-	-	2.762.901	2.124.196.508	1.483.661.313	26.963.869.879	87.603.890.601
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	9.231.716.626	9.231.716.626
Tăng khác	-	-	-	4.204.081	1.347.822.092	1.347.822.092	-	2.699.848.265
Chi trả cổ tức cho các cổ đông (**)	-	-	-	-	-	-	(22.811.760.000)	(22.811.760.000)
Phân phối các quỹ (**)	-	-	-	-	-	-	(5.660.852.786)	(5.660.852.786)
Giảm khác(*)	-	-	-	(6.966.982)	-	(188.902.496)	-	(195.869.478)
Số dư cuối năm nay	57.029.400.000	-	-	-	3.472.018.600	2.642.580.909	7.722.973.719	70.866.973.228

(*): Trong năm, Công ty phát sinh các chi phí liên quan đến chuyển nhượng công ty con (Công ty TNHH MTV May vải sợi Miền Bắc II) như chi phí tư vấn, quảng cáo bán đầu giá...., tuy nhiên, việc chuyển nhượng không thành công, toàn bộ chi phí phát sinh được ghi nhận giảm quỹ dự phòng tài chính.

(**): Tại ngày 31/12/2012, Công ty đã tạm trích cổ tức cho các cổ đông với tỷ lệ 20% trên vốn điều lệ từ lợi nhuận sau thuế của năm 2011 và 2012 theo Nghị quyết số 04/2012/NQ-HĐQT ngày 11/04/2012 và Nghị Quyết số 07/NQ-HĐQT ngày 14/8/2012 của Hội đồng quản trị. Số liệu cuối cùng đối với việc trích lập các quỹ sẽ được cổ đông xác định và phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2012			31/12/2011		
	<i>Tổng số</i>	<i>Cổ phiếu thường</i>	<i>CP ưu đãi</i>	<i>Tổng số</i>	<i>Cổ phiếu thường</i>	<i>CP ưu đãi</i>
Vốn đầu tư của Nhà nước	16.341.140.000	16.341.140.000	-	16.341.140.000	16.341.140.000	-
Vốn góp của các cổ đông	40.688.260.000	40.688.260.000	-	40.688.260.000	40.688.260.000	-
Thặng dư vốn cổ phần	-	-	-	-	-	-
Cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	-	-
Cộng	57.029.400.000	57.029.400.000	-	57.029.400.000	57.029.400.000	-

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận:

	2012	2011
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ <i>Vốn góp đầu năm</i>	57.029.400.000	57.029.400.000
+ <i>Vốn góp tăng trong năm</i>	-	-
+ <i>Vốn góp giảm trong năm</i>	-	-
+ <i>Vốn góp cuối năm</i>	57.029.400.000	57.029.400.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	22.811.760.000	7.984.116.000

Cổ phiếu:

	2012	2011
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.702.940	5.702.940
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.702.940	5.702.940
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.702.940	5.702.940
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.702.940	5.702.940
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.702.940	5.702.940
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu:

	2012	2011
Quỹ đầu tư phát triển	3.472.018.600	2.124.196.508
Quỹ dự phòng tài chính	2.642.580.909	1.483.661.313

Mục đích trích lập các quỹ:

+ *Quỹ đầu tư phát triển được sử dụng cho việc đầu tư mở rộng các hoạt động kinh doanh trong tương lai như đầu tư vốn vào các doanh nghiệp khác, mua sắm TSCĐ, xây dựng cơ bản, nghiên cứu và phát triển, đào tạo và cải thiện môi trường làm việc.*

+ *Quỹ dự phòng tài chính được trích lập để bù đắp phần còn lại của những tổn thất, thiệt hại về tài sản xảy ra trong quá trình kinh doanh sau khi đã được bồi thường của các tổ chức, cá nhân gây ra tổn thất và của tổ chức bảo hiểm hoặc để dự phòng cho các khoản lỗ hay thiệt hại ngoài dự kiến do các nhân tố khách quan hoặc do các trường hợp bất ổn trong tình hình kinh tế và tài chính trong nước hay nước ngoài.*

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Các chỉ tiêu được trình bày theo đơn vị tính là đồng Việt Nam (VND)

12. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	2012	2011
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	47.892.694.992	50.800.392.142
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu bán hàng	7.015.314.632	8.788.826.398
+ Văn phòng Công ty	23.279.998	17.521.256
+ Công ty TNHH MTV Vải sợi may mặc miền Bắc II	6.992.034.634	8.771.305.142
Doanh thu gia công	11.028.486.968	14.484.828.707
+ Văn phòng Công ty	11.028.486.968	14.484.828.707
+ Công ty TNHH MTV Vải sợi may mặc miền Bắc II	-	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	28.678.737.028	25.925.364.435
+ Văn phòng Công ty	27.079.551.028	24.383.038.344
+ Công ty TNHH MTV Vải sợi may mặc miền Bắc II	1.599.186.000	1.542.326.091
Doanh thu khác	1.170.156.364	1.601.372.602
+ Văn phòng Công ty	176.520.000	300.536.236
+ Công ty TNHH MTV Vải sợi may mặc miền Bắc II	993.636.364	1.300.836.366
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	47.892.694.992	50.800.392.142
Doanh thu thuần trao đổi sản phẩm hàng hoá	7.015.314.632	24.875.027.707
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	40.877.380.360	25.925.364.435

13. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	2012	2011
Giá vốn hàng hoá đã bán	6.985.486.571	8.731.490.476
+ Văn phòng Công ty	-	19.028.100
+ Công ty TNHH MTV Vải sợi may mặc miền Bắc II	6.985.486.571	8.712.462.376
Giá vốn hoạt động gia công	9.953.737.853	12.732.549.258
+ Văn phòng Công ty	9.953.737.853	12.732.549.258
+ Công ty TNHH MTV Vải sợi may mặc miền Bắc II	-	-
Giá vốn cung cấp dịch vụ thuê kho	11.174.795.609	5.298.581.289
+ Văn phòng Công ty	10.083.591.615	4.162.300.367
+ Công ty TNHH MTV Vải sợi may mặc miền Bắc II	1.091.203.994	1.136.280.922
Cộng	28.114.020.033	26.762.621.023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****14. Doanh thu hoạt động tài chính**

	2012	2011
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.138.520.335	578.701.453
Lãi từ hoạt động chuyển nhượng cổ phần	-	18.000.000.000
Lãi từ hoạt động liên doanh, liên kết	1.246.018.834	1.043.000.000
Lãi bán ngoại tệ	-	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	28.860.349	24.562.853
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	3.764.879	52.881.192
Cộng	3.417.164.397	19.699.145.498

15. Chi phí tài chính

	2012	2011
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	312.554	11.204.355
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	53.160.803
Chi phí tài chính khác	154	-
Cộng	312.708	64.365.158

16. Thu nhập khác

	2012	2011
Phân bổ khoản CL đánh giá lại tài sản khi góp vốn	-	1.697.225.096
Thu nhập hoạt động trồng xe, tiền điện nước	4.152.687.781	2.705.104.197
Thu từ lợi thế thương mại khu số 4, 352 Giải Phóng	500.000.000	-
Các khoản thu nhập khác	250.833.737	458.988.272
Cộng	4.903.521.518	4.861.317.565

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	2012	2011
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	2.976.333.533	7.170.985.256
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập của năm trước vào chi phí thuế TNHH của năm nay	-	-
Cộng	2.976.333.533	7.170.985.256

18. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	2012	2011
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	8.719.563.288	9.587.790.125
Chi phí nhân công	15.025.987.268	11.817.065.014
Chi phí khấu hao TSCĐ	3.591.819.142	3.052.335.222
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.423.975.957	3.837.681.176
Chi phí khác bằng tiền	13.547.539.074	10.347.393.189
Cộng	44.308.884.729	38.642.264.726

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu:

	2012	2011
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	9.231.716.626	26.956.441.843
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty	9.231.716.626	26.956.441.843
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	5.702.940	5.702.940
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.619	4.727

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được xác định như sau:

	2012	2011
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	5.702.940	5.702.940
Số lượng cổ phiếu phát hành thêm lưu hành trong năm	-	-
Trừ: Số lượng cổ phiếu quỹ mua lại trong năm	-	-
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	5.702.940	5.702.940

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Thông tin về các bên có liên quan**Các bên liên quan:

Các bên được xem là các bên liên quan khi một bên có khả năng kiểm soát phía bên kia hoặc tạo ra ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong các quyết định về tài chính và kinh doanh. Các bên có liên quan là các doanh nghiệp kể cả công ty mẹ, công ty con, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong năm tài chính 2012, ông Vũ Văn Thiệu - Tổng Giám đốc Công ty và ông Mai Đức Lâm - Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Trường Hà (là công ty liên kết của Công ty từ các năm tài chính trước) được nhận biết là bên liên quan của Công ty.

Nghiệp vụ với các bên liên quan:

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Nội dung nghiệp vụ</u>	<u>Giá trị</u>
Ông Mai Đức Lâm	Giám đốc Công ty liên kết	Trả thêm lợi thế thương mại khu 4	500.000.000
Ông Vũ Văn Thiệu	Tổng Giám đốc	Thuê nhà tại 79 Lạc Trung	7.680.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Thủ lao trả cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát của Công ty phát sinh trong năm, chi tiết như sau:

	2012
Tiền lương	875.484.242
Phụ cấp	299.153.000
Tiền thưởng	139.170.000
Các khoản khác	117.455.000
Cộng	1.431.262.242

2. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ

Không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc niên độ có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Công ty và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty sau ngày kết thúc niên độ kế toán.

3. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào 31/12/2011 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán VACO.


NGUYỄN THỊ BÍCH MÙI

Kế toán trưởng

**VŨ VĂN THIẾU**

Tổng Giám đốc